

Số: 02/2021/QĐST-KDTM

Tp. Ninh Bình, ngày 12 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2020/TLST- KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại CPQĐ (MB)

Địa chỉ: Số xx CL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH QLN và KTTS ngân hàng TMCP QĐ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P - Chức vụ: Tổng giám đốc công ty TNHH QLN và KTTS ngân hàng TMCP QĐ.

Người được ủy quyền:

Ông Đặng Quốc T- Phó tổng giám đốc công ty MB AMC.

Địa chỉ: Tầng Gx, tòa nhà xx KL, đường PNT, quận ĐĐ, Hà Nội.

Người được ủy quyền lại: Bà Đinh Thị L - Phó giám đốc trung tâm XLN công ty MB AMC

Địa chỉ: Tầng Gx, tòa nhà xx KL, đường PNT, quận ĐĐ, Hà Nội, Hà Nội.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) NK

Địa chỉ: Phố BK, phường NK, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 19xx chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH NK.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Văn Dư – Văn phòng luật sư Đặng Dư và cộng sự Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 30/4/2021 Công ty TNHH NK còn nợ Ngân hàng TMCP QĐ theo các hợp đồng tín dụng số trong các Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 558.13.230.812839.TD ký ngày 25/12/2013; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 387.14.230.812839.TD ký ngày 28/08/2014; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 448.14.230.812839.TD ký ngày 25/09/2014; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 526.14.230.812839.TD ký ngày 14/10/2014.

Tổng số tiền Công ty TNHH NK nợ Ngân hàng Thương mại CPQĐ tính đến 30/4/2021 là 10.664.607.818 đồng (Mười tỷ sáu trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm linh bảy nghìn tám trăm mười tám đồng). Trong đó Nợ gốc là 6.486.000.000^d (Sáu tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng); Nợ lãi trong hạn là 137.796.054 đồng (Một trăm ba bảy triệu bảy trăm chín sáu nghìn không trăm năm tư đồng); Nợ lãi quá hạn là 4.040.811.764 đồng (Bốn tỷ không trăm bốn mươi triệu tám trăm mười một nghìn bảy trăm sáu tư đồng).

Công ty TNHH NK đã trả: 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) tiền gốc.

Số tiền còn phải trả là 9.264.607.818 đồng (Chín tỷ hai trăm sáu tư triệu sáu trăm linh bảy nghìn tám trăm mười tám đồng). Trong đó: Nợ gốc là 5.086.000.000 đồng (Năm tỷ không trăm tám mươi sáu triệu đồng chẵn), Nợ lãi trong hạn là 137.796.054 đồng (Một trăm ba bảy triệu bảy trăm chín sáu nghìn không trăm năm tư đồng), Nợ lãi quá hạn là 4.040.811.764 đồng (Bốn tỷ không trăm bốn mươi triệu tám trăm mười một nghìn bảy trăm sáu tư đồng) (Tạm tính đến ngày 30/04/2021).

2.2.1. Phương án trả nợ cụ thể như sau:

Trước ngày 25 tháng 5 năm 2021 Công ty TNHH NK phải trả đủ số tiền 7.900.000.000^d (Bảy tỷ chín trăm triệu đồng). Trong đó: Nợ gốc là 6.486.000.000^d (Sáu tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng); Nợ lãi là 1.414.000.000^d (Một tỷ bốn trăm mười bốn triệu đồng) vào tài khoản của Công ty TNHH NK tại MB. (Số tiền này đã bao gồm 1.400.000.000 đồng Công ty TNHH NK đã nộp).

Nếu sau ngày 25 tháng 5 năm 2021 Công ty TNHH NK không thực hiện đúng theo cam kết thì Công ty TNHH NK phải trả Ngân hàng TMCP QĐ tổng số tiền là 9.264.607.818^d (Chín tỷ hai trăm sáu tư triệu sáu trăm linh bảy nghìn tám trăm mười tám đồng). Trong đó: Nợ gốc là 5.086.000.000^d (Năm tỷ không trăm tám mươi sáu triệu đồng chẵn); Nợ lãi trong hạn là 137.796.054^d (Một trăm ba bảy triệu bảy trăm chín sáu nghìn không trăm năm tư đồng); Nợ lãi quá

hạn là 4.040.811.764^d (Bốn tỷ không trăm bốn mươi triệu tám trăm mười một nghìn bảy trăm sáu tư đồng) (Tạm tính đến ngày 30/04/2021).

2.1.2. Công ty TNHH NK phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP QĐ theo lãi suất thoả thuận trong các Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 558.13.230.812839. TD ký ngày 25/12/2013; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 387.14.230.812839. TD ký ngày 28/08/2014; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 448.14.230.812839. TD ký ngày 25/09/2014; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 526.14.230.812839. TD ký ngày 14/10/2014 cùng khế ước nhận số LD1411400568; LD1411500382; LD1410800438; LD1411900203; LD1413300429; LD1416900514; LD1422000653; LD1422300482; LD1423900303; LD1424000416; LD1424100974; LD1426800738; LD1428700158 kể từ ngày 01/05/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ cho Ngân hàng TMCP QĐ.

2.2. Trường hợp Công ty TNHH NK không trả xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP QĐ thì Ngân hàng TMCP QĐ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 588.12.230.812839. ĐB ngày 24/12/2012 giữa Công ty TNHH NK với Ngân hàng Thương mại CPQĐ – Chi nhánh Ninh Bình là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ 09, diện tích 2400m². Địa chỉ: Xã NK, huyện HL, tỉnh Ninh Bình (nay là phường NK, thành phố NB). GCNQSDĐ số U 765863, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 908 QSDĐ/ĐKTKdo UBND Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 25/02/2003 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn NK, để xử lý theo đúng quy định của pháp luật, thu hồi toàn bộ nợ cho Ngân hàng TMCP QĐ.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH NK phải nộp số tiền: 58.632.000^d (Năm mươi tám triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP QĐ không phải nộp, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình là 59.000.000^d (Năm mươi chín triệu đồng) theo biên lai số AA/2018/0001669, ngày 15 tháng 10 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- THADS thành phố Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Tuyết